

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2019

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Võ Chí T**, sinh năm 1978. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số Y, khu vực P, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm Th**, sinh năm 1977. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số Y, khu vực P, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số U, đường Đ, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Ngọc L – Chức vụ: Cán bộ tín dụng kiêm cán bộ pháp chế *(Văn bản ủy quyền ngày 03/UQ-NHNo 03/5/2019)*
(Có đơn xin vắng mặt)

- Phòng giao dịch Ngân hàng S.

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường Đ, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Việt L1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng S. *(Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019)* *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Chí T trình bày:**

Năm 1999, sau một thời gian tìm hiểu, anh và chị Nguyễn Thị Cẩm Th đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An vào ngày 27/02/2002. Quá trình chung sống, anh và chị Th sinh được 03 con chung là cháu Võ Thị Tường V1 (nữ, sinh ngày 12/9/2002), cháu Võ Thị Thúy V (nữ, sinh ngày 24/8/2004) và cháu Võ Khánh Đ (nữ, sinh ngày 03/10/2015).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm, chị Th cờ bạc gây nợ nần, anh có khuyên ngăn nhưng chị Th không sửa đổi, anh đã nhiều lần trả nợ thay cho chị Th. Anh cũng đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm Th.

- *Về con chung:* Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thúy V đến trưởng thành, anh đồng ý ổn định cho chị Th được nuôi dưỡng cháu Tường V1 và cháu Đan đến trưởng thành. Anh và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Theo đơn khởi kiện, anh có yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng diện tích đất 135m², thuộc thửa 200, tờ bản đồ số 124, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04641 cấp ngày 17/7/2015 do chị Nguyễn Thị Cẩm Th đứng tên. Nhà và đất tọa lạc tại khu vực Thới Phong A, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, anh và chị Th đã tự thỏa thuận với nhau để giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng. Do đó, anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Anh T đồng ý chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng S số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*); chị Th chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ chung gì khác.

*** Tại Bản tự khai ngày 06/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm Th trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Cẩm Th thống nhất ý kiến với anh Võ Chí T về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T. Theo chị, trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và bất hòa về tình cảm, tuy nhiên mâu thuẫn không lớn đến mức phải ly hôn. Vào đầu năm 2019, chị có xích mích với gia đình bên chồng nên anh T đã nộp đơn ly hôn với chị. Nay chị vẫn còn thương chồng nên chị không đồng ý ly hôn, chị yêu cầu được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Chị và anh T có 03 con chung là cháu Võ Thị Tường V1 (nữ, sinh ngày 12/9/2002), cháu Võ Thị Thúy V (nữ, sinh ngày 24/8/2004) và

cháu Võ Khánh Đ (nữ, sinh ngày 03/10/2015). Chị thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận của anh T về việc anh T được nuôi dưỡng cháu Thúy V đến trưởng thành, chị được quyền nuôi dưỡng cháu Tường V1 và cháu Đan đến trưởng thành. Chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận của anh T về việc anh T chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng S số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*); chị chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ chung gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N (có đại diện là bà Huỳnh Thị Ngọc L) trình bày:**

Ngày 08/3/2018, anh Võ Chí T và chị Nguyễn Thị Cẩm Th có vay Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng sử dụng vào mục đích gia đình, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 15%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm, theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201800580 thì ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/02/2020.

Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm nhưng anh T, chị Th có giao cho Ngân hàng giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04641 cấp ngày 17/7/2015 do chị Nguyễn Thị Cẩm Th đứng tên.

Hiện anh T và chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 06/5/2019) là 675.000 đồng. Nay Ngân hàng đồng ý với sự thỏa thuận của anh T và chị Th về việc chị Th sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do hợp đồng chưa đến hạn và phía người vay vẫn thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên phía Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Do bản công việc nên Ngân hàng yêu cầu được vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Phòng giao dịch Ngân hàng S (có đại diện là ông Nguyễn Việt L1) trình bày:**

Ngày 23/11/2016, anh Võ Chí T (đại diện hộ gia đình) được Phòng giao dịch Ngân hàng S cho vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi heo, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/11/2021 (Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo ngày 18/11/2016).

Hiện hộ anh Võ Chí T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 06/5/2019) là 0 đồng. Nay Ngân hàng đồng ý với sự thỏa thuận của anh T và chị Th về việc anh T sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh

theo thỏa thuận đã ký kết. Do khoản vay chưa đến hạn nên phía Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Do bản công việc nên Ngân hàng yêu cầu được vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án.

Tại phiên hòa giải, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Võ Chí T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm Th. Về con chung, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thúy V đến trưởng thành, anh đồng ý ổn định cho chị Th được nuôi dưỡng cháu Tường V1 và cháu Đan đến trưởng thành, anh và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tự thỏa thuận. Về nợ chung, anh T chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng S số tiền 40.000.000 đồng; chị Th chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng. Hiện Ngân hàng không có yêu cầu gì nên anh yêu cầu được tiếp tục thực hiện việc thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm Th có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N (có đại diện là bà Huỳnh Thị Ngọc L) và Phòng giao dịch Ngân hàng S (có đại diện là ông Nguyễn Việt L1) cùng có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Võ Chí T và chị Nguyễn Thị Cẩm Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N (có đại diện là bà Huỳnh Thị Ngọc L) và Phòng giao dịch Ngân hàng S (có đại diện là ông Nguyễn Việt L1) có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2002, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu

năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, anh T cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 8 - 9 năm, chủ yếu do tính tình của chị Th không tốt, chị Th cờ bạc gây nợ nần, anh đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống để chăm lo cho các con. Tuy nhiên chị Th đã không thay đổi và có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ của anh. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Do chị Th không sửa đổi khuyết điểm, ngoài ra mâu thuẫn giữa chị Th với gia đình anh ngày càng gay gắt nên anh và chị Th không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Th.

Tại phiên hòa giải, chị Th cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng mâu thuẫn vợ chồng không lớn và chị vẫn còn tình cảm với anh T nên chị không đồng ý ly hôn với anh T, chị yêu cầu được đoàn tụ.

Xét thấy, anh T có yêu cầu ly hôn, chị Th không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cả anh T và chị Th đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh T, chị Th hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Chị Th cho rằng vẫn còn tình cảm với anh T nhưng lại không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T thì khẳng định không thể tiếp tục chung sống với chị Th. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T và chị Th cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Võ Thị Tường V1 (nữ, sinh ngày 12/9/2002), cháu Võ Thị Thúy V (nữ, sinh ngày 24/8/2004) và cháu Võ Khánh Đ (nữ, sinh ngày 03/10/2015).

Anh T và chị Th đã thống nhất thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung như sau: anh T được nuôi dưỡng cháu Thúy V đến trưởng thành, chị Th được nuôi dưỡng cháu Tường V1 và cháu Đan đến trưởng thành. Anh T và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu Thúy V có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh T; cháu Tường V1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Th.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Thúy V và cháu Tường V1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh T và chị Th được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản anh T, chị Th thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Do anh T và chị Th đã thống nhất tự thỏa thuận với nhau, anh T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đồng thời căn cứ Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết yêu cầu này của anh T.

[6] Về nợ chung: Anh T, chị Th, đại diện Ngân hàng N và đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng S thống nhất tự thỏa thuận, hiện các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Chí T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm Th.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thúy V (nữ, sinh ngày 24/8/2004) cho anh T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Giao cháu Võ Thị Tường V1 (nữ, sinh ngày 12/9/2002) và cháu Võ Khánh Đ (nữ, sinh ngày 03/10/2015) cho chị Th nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh T, chị Th thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh T về việc chia tài sản chung. Anh T và chị Th thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Chí T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 1.550.000 đồng (*Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000018 ngày 11/4/2019, anh T được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P.Thới An;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế